

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN THANH TOÁN TRONG THƯƠNG MẠI
ĐIỆN TỬ

Tailieu.vn

CHƯƠNG 1:**TỔNG QUAN VỀ THANH TOÁN TRONG****THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

Vào cuối thế kỷ XX, sự phát triển và hoàn thiện của kỹ thuật số đã được áp dụng trước hết vào máy tính điện tử. Số hoá và mạng hoá là tiền đề cho sự ra đời của nền kinh tế mới - nền kinh tế số. Việc mua bán hàng hóa và dịch vụ thông qua các phương tiện điện tử, Internet và các mạng viễn thông khác đã xuất hiện, đó chính là thương mại điện tử và thanh toán trong thương mại điện tử. Ngày nay, thanh toán điện tử đã trở nên phổ biến đối với người tiêu dùng và của các doanh nghiệp. Đó là nhu cầu không thể thiếu trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin như hiện nay và cũng bởi lợi ích mà nó mang lại cho khách hàng trong giao dịch.

1.1. Khái niệm

Thanh toán điện tử là việc thanh toán tiền qua thông điệp điện tử thay cho việc giao tay tiền mặt.

Theo cách hiểu như trên thì thanh toán điện tử là hệ thống thanh toán dựa trên nền tảng công nghệ thông tin. Việc thanh toán được thực hiện qua máy tính và mạng máy tính, nối mạng với các đơn vị thành viên tham gia thanh toán. Chuyển những chứng từ bằng giấy thành những “*chứng từ điện tử*” đã làm cho khoảng cách giữa các đơn vị thành viên được thu hẹp như trong cùng một ngân hàng, giúp cho quá trình thanh toán nhanh chóng đáp ứng được nhu cầu chu chuyển vốn của khách hàng và nền kinh tế.

1.2. Thanh toán truyền thống và thanh toán điện tử**1.2.1. Các hình thức thanh toán truyền thống****1.2.1.1. Tiền mặt**

Yêu cầu của hệ thống thanh toán truyền thống là tin cậy, toàn vẹn và xác thực. Trong đó, tiền mặt là phương tiện thanh toán truyền thống phổ biến nhất với các ưu điểm sau:

- Tiện lợi, dễ sử dụng và mang theo với số lượng nhỏ, được chấp nhận rộng rãi.
- Nặc danh: người thanh toán không cần khai báo họ tên, không có chi phí sử dụng, không thể lần theo dấu vết của tiền trong quá trình sử dụng.

Tuy nhiên, hoạt động thanh toán bằng tiền mặt có nhiều bất lợi và rủi ro như:

- Dễ bị mất, cổng kênh khi mang với số lượng lớn, khó kiểm đếm và quản lí.
- Chi phí xã hội để tổ chức hoạt động thanh toán (in, vận chuyển, bảo quản, kiểm đếm...) là rất tốn kém; dễ bị lợi dụng để gian lận, trốn thuế...;
- Vấn đề an ninh luôn tiềm ẩn nhiều nguy hiểm (tham nhũng, rửa tiền...) và tạo môi trường thuận lợi cho việc lưu hành tiền giả.

1.2.1.2. **Các phương tiện thanh toán truyền thống khác:** gồm có séc, ngân phiếu thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng..

Các thẻ tín dụng (credit card) cung cấp một khoản tín dụng tại thời điểm mua hàng, các giao dịch thanh toán thực tế xảy ra sau đó.

Thẻ ghi nợ kết nối với một tài khoản tiền gửi không kì hạn. Các giao dịch sẽ rút tiền từ tài khoản này. Hiện tại thanh toán bằng thẻ tín dụng rất phổ biến ở các nước phát triển.

Thẻ tín dụng và các hình thức tương tự góp phần làm giảm nhu cầu về vốn lưu động, giảm rủi ro, có khả năng thanh toán toàn cầu, lưu trữ số liệu, dễ giải quyết tranh chấp, có độ tin cậy cao nhưng có chi phí cao.

Séc là loại hành thanh toán truyền thống phổ biến. Đó là tài liệu viết (hoặc in) và được giao cho người bán hàng yêu cầu tổ chức tài chính chuyển một khoản tiền cho bên có tên ghi trong séc. Thời gian xử lí séc dài và chi phí xử lí cao.

Chuyển khoản là việc chuyển tiền trực tiếp giữa các ngân hàng. Lệnh chi là hình thức thanh toán giống như séc nhưng khác ở chỗ việc thanh toán được đảm bảo bởi bên thứ 3. Lệnh chi tránh được rủi ro, đảm bảo tính nặc danh.

1.2.2. Phân biệt giữa thanh toán truyền thống và thanh toán điện tử

Toàn bộ hệ thống thanh toán điện tử đều được thực hiện trên cơ sở kỹ thuật số, chúng được xây dựng và phát triển để thực hiện các thanh toán trên Internet. Về bản chất, nhiều hệ thống thanh toán điện tử là phiên bản điện tử của các hệ thống thanh toán truyền thống đang sử dụng hàng ngày như tiền mặt, séc và thẻ tín dụng.

Điểm khác biệt lớn nhất giữa thanh toán điện tử và thanh toán truyền thống là thông qua các phương tiện điện tử, loại bỏ hầu hết việc giao nhận giấy tờ và việc ký truyền thống thay vào đó là các phương pháp xác thực mới. Tất cả mọi thứ đều được số hóa và ảo hóa bằng những chuỗi bit (đơn vị nhớ của máy tính)

Thứ hai, trong thanh toán truyền thống, chỉ ngân hàng mới có quyền phát hành tiền và các giấy tờ có giá trị. Đối với thanh toán điện tử, tiền và giá trị của nó được tổ chức phát hành và đảm bảo bằng việc cam kết sẽ chuyển đổi tiền điện tử sang tiền giấy theo yêu cầu của người sở hữu

Thứ tư là phương thức giao dịch. Trước đây hình thức mua bán chủ yếu của con người là gặp nhau trực tiếp sau đó thỏa thuận để đi tới thống nhất đảm bảo lợi ích cho cả bên mua lẫn bên bán. Với hình thức mua bán này thì chúng ta phải mất thời gian đi tới nơi có hàng để mua. Chưa kể trong quá trình đi lại có thể xảy ra những bất trắc khó lường trước được. Sau khi đến nơi họ bắt đầu tiến hành giao dịch và người mua sẽ trả tiền cho người bán. Người bán có thể gặp rủi ro khi người mua vô tình hay cố ý dùng tiền giả. Còn các hệ thống thanh toán trong thương mại điện tử thì thực hiện chủ yếu qua máy tính cá nhân và các thiết bị hỗ trợ kỹ thuật.

1.3. Những ưu thế và sự phát triển tất yếu của thanh toán điện tử

- Thanh toán điện tử không bị hạn chế bởi thời gian và không gian:

Dưới giác độ của thương mại điện tử, hoạt động thương mại không chỉ hạn chế trong phạm vi một địa bàn, một quốc gia mà được thực hiện với hệ thống thị trường hàng hóa - dịch vụ, thị trường tài chính - tiền tệ được kết nối trong phạm vi toàn cầu, trong suốt 24/24 giờ trong ngày và 7 ngày/tuần. Nhu cầu thanh toán cũng được đáp ứng liên tục 24/24 giờ trong ngày trên phạm vi toàn cầu. Với thanh toán điện tử, các bên có thể tiến hành giao dịch khi ở cách xa nhau. Với người tiêu dùng, họ có thể ngồi tại nhà để đặt hàng, mua sắm nhiều loại hàng hóa, dịch vụ nhanh chóng. Việc không phải mang theo nhiều tiền mặt, giảm thiểu rủi ro mất tiền, tiền giả, nhảm lẫn... sẽ giảm bớt được việc thiếu minh bạch.

- Thời gian giao dịch:

Giao dịch bằng phương tiện điện tử nhanh hơn so với phương pháp truyền thống. Thông thường giao dịch tại quầy cho một khách hàng chuyển tiền mất khoảng 15 phút, không kể thời gian đi lại và chờ đợi nhưng giao dịch trên Internet, Mobile hoặc qua hệ thống thẻ chỉ qua một vài thao tác đơn giản trong một vài phút.

- Chi phí:

Các giao dịch qua kênh điện tử có chi phí vận hành rất thấp, tạo thuận lợi cho các bên giao dịch. Chi phí chủ yếu là đầu tư ban đầu, trong điều kiện công nghệ phát triển nhanh chi phí đầu tư cũng giảm đáng kể. Doanh nghiệp không cần phải đầu tư nhân sự, địa điểm và các chi phí lưu chuyển hồ sơ cho việc giao dịch.

1.4. Lợi ích của thanh toán điện tử

1.4.1 Lợi ích chung

- Hoàn thiện và phát triển thương mại điện tử:

Việc phát triển thanh toán trực tuyến sẽ hoàn thiện hóa thương mại điện tử, để thương mại điện tử được theo đúng nghĩa của nó – các giao dịch hoàn toàn qua mạng, người mua chỉ cần thao tác trên máy tính cá nhân của mình để mua hàng, các doanh nghiệp có những hệ thống xử lý tiền số tự động.

- Tăng quá trình lưu thông tiền tệ và hàng hóa:

Thanh toán trong thương mại điện tử với ưu điểm đẩy mạnh quá trình lưu thông tiền tệ và hàng hóa. Người bán hàng có thể nhận tiền thanh toán qua mạng tức thì, do đó có thể yên tâm tiến hành giao hàng một cách sớm nhất, sớm thu hồi vốn để đầu tư tiếp tục sản xuất.

- Nhanh, an toàn:

Thanh toán điện tử giúp thực hiện thanh toán nhanh, an toàn, đảm bảo quyền lợi cho các bên tham gia thanh toán, hạn chế rủi ro so với thanh toán bằng tiền mặt, mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt, tạo lập thói quen mới trong dân chúng về thanh toán hiện đại.

- Hiện đại hoá hệ thống thanh toán

Tiến cao hơn một bước, thanh toán điện tử tạo ra một loại tiền mới, tiền số hóa, không chỉ thỏa mãn các tài khoản tại ngân hàng mà hoàn toàn có thể dùng để mua hàng hóa thông thường. Quá trình giao dịch được đơn giản và nhanh chóng, chi phí giao dịch giảm bớt đáng kể và giao dịch sẽ trở nên an toàn hơn.

1.4.2. Lợi ích đối với người sử dụng

Khách hàng có thể tiết kiệm được chi phí: Phí giao dịch ngân hàng điện tử hiện được đánh giá là ở mức thấp nhất so với các phương tiện giao dịch khác.

Khách hàng tiết kiệm thời gian đối với các giao dịch ngân hàng từ Internet được thực hiện và xử lý một cách nhanh chóng và hết sức chính xác. Khách hàng không cần phải tới tận văn phòng giao dịch của ngân hàng, không phải mất thời gian đi lại hoặc nhiều khi phải xếp hàng để chờ tới lượt mình. Giờ đây, với dịch vụ ngân hàng điện tử, họ có thể tiếp cận với bất cứ một giao dịch nào của ngân hàng vào bất cứ thời điểm nào hoặc ở bất cứ đâu họ muốn.

Thông tin liên lạc với ngân hàng nhanh hơn và hiệu quả hơn. Khi khách hàng sử dụng ngân hàng điện tử, họ sẽ nắm được nhanh chóng, kịp thời những thông tin về tài khoản, tỷ giá, lãi suất. Chỉ trong chốc lát, qua máy vi tính được nối mạng với ngân hàng, khách hàng có thể giao dịch trực tiếp với ngân hàng để kiểm tra số dư tài khoản, chuyển tiền, thanh toán hóa đơn dịch vụ công cộng, thanh toán thẻ tín dụng, mua séc du lịch, kinh doanh ngoại hối, vay nợ, mở và điều chỉnh, thanh toán thư tín dụng và kể cả kinh doanh chứng khoán với ngân hàng.

Trong thập kỷ vừa qua, thay đổi lớn nhất mà ngân hàng đem lại cho khách hàng đó là ngân hàng điện tử, nó có thể đem lại một giải pháp mà từ trước đến nay chưa hề có. Khách hàng có được tất cả những gì mình mong muốn với một mức thời gian ít nhất và điều đó có thể tóm gọn trong cụm từ “sự tiện lợi”.

1.5. Hạn chế của thanh toán điện tử

1.5.1. Gian lận thẻ tín dụng

- Rủi ro đối với chủ thẻ:

Chủ thẻ gặp phải tình trạng làm giả thẻ tín dụng. Việc làm giả thẻ có thể tiến hành theo hai hình thức. Đối tượng làm giả thẻ có thể mua chuộc nhân viên tại các cơ sở chấp nhận thẻ để các nhân viên này sau khi quét thẻ tính tiền sẽ bí mật quét thẻ thêm một lần vào một thiết bị đặc biệt có thể đọc được toàn bộ thông tin về thẻ. Sau khi có đầy đủ các thông tin đó chúng sẽ nhanh chóng làm một chiếc thẻ tương tự và tiến hành mua bán hàng hoá như bình thường. Hình thức thứ hai tinh vi hơn là chúng sẽ cài thẳng những chip điện tử tinh vi vào trong máy tính tiền hoặc máy rút tiền tự động. Sau đó chúng sẽ quay trở lại các địa điểm trên để lấy các con chip đã chứa những thông tin về các thẻ đã giao dịch và tiến hành làm thẻ giả với những thông tin đã lấy cắp được.

- Rủi ro đối với ngân hàng phát hành:

Rủi ro thứ nhất là việc chủ thẻ lừa dối sử dụng thẻ tại nhiều điểm thanh toán thẻ khác nhau với mức thanh toán thấp hơn hạn mức thanh toán nhưng tổng số tiền thanh toán lại cao hơn hạn mức thanh toán trong thẻ. Việc thanh toán quá mức chỉ được biết khi ngân hàng nhận được các hoá đơn thanh toán của các đơn vị chấp nhận thẻ. Và khi chủ thẻ không có khả năng thanh toán thì rủi ro này sẽ do ngân hàng tự chịu.

Một hình thức lừa dối khác từ phía chủ thẻ là do việc lợi dụng tính chất thanh toán quốc tế của thẻ để thông đồng với người khác chuyển thẻ ra nước khác để thanh toán ngoài quốc gia chủ thẻ cư trú. Khi ngân hàng tiến hành đòi tiền từ chủ thẻ cho việc thanh toán ở quốc gia khác thì chủ thẻ căn cứ vào việc mình không có thị thực xuất nhập cảnh hoặc căn cứ vào xác nhận của cơ quan để từ chối thanh toán. Trong khi đó, các đơn vị chấp nhận thẻ cũng không phải chịu trách nhiệm do việc thanh toán bằng thẻ được tiến hành mà không cần biết chủ thẻ là ai. Bằng chứng duy nhất có thể so sánh là căn cứ vào chữ ký trên thẻ và trên hoá đơn nhưng do thông đồng từ trước nên việc giả mạo chữ ký trong các hoá đơn là điều rất dễ dàng.

- Rủi ro đối với ngân hàng thanh toán:

Tuy chỉ là đơn vị trung gian trong hoạt động thanh toán thẻ song các ngân hàng thanh toán cũng có thể gặp rủi ro nếu họ có sai sót trong việc cấp phép cho các khoản thanh toán có giá trị lớn hơn hạn mức qui định. Bên cạnh đó, nếu không kịp thời cung cấp cho các đơn vị chấp nhận thẻ danh sách các thẻ bị mất hoặc bị vô hiệu mà trong thời gian đó các thẻ này vẫn được sử dụng thì các ngân hàng phát hành sẽ từ chối thanh toán cho những khoản này.

- Rủi ro cho các đơn vị chấp nhận thẻ:

Rủi ro cho các đơn vị chấp nhận thẻ chủ yếu là bị từ chối thanh toán cho số hàng hoá cung ứng ra vì các lý do liên quan đến thẻ. Đó là việc thẻ bị hết hiệu lực nhưng các đơn vị chấp nhận thẻ không phát hiện ra mặc dù đã được thông

báo. Tự ý sửa đổi các hoá đơn (vô tình hoặc cố ý) và bị các ngân hàng phát hiện ra thì cũng sẽ không được thanh toán.

1.5.2. Vấn đề bảo mật thông tin

Việc đảm bảo an toàn thông tin tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng là nghĩa vụ của các ngân hàng thương mại. Việc cung cấp thông tin của khách hàng chỉ được phép diễn ra trong các trường hợp sau: khách hàng yêu cầu hoặc có uỷ quyền cho người khác, phục vụ hoạt động nội bộ của ngân hàng, theo yêu cầu của giám đốc ngân hàng và theo yêu cầu của pháp luật để phục vụ cho quá trình kiểm tra. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, với trình độ khoa học rất phát triển, số lượng các vụ xâm nhập trái phép vào hệ thống ngân hàng qua mạng Internet ngày càng phát triển và tinh vi thì việc lưu chuyển thông tin của khách hàng qua mạng Internet không còn thực sự an toàn. Các ngân hàng có được quyền cung cấp các thông tin liên quan đến tài sản của khách hàng cho các tổ chức tài chính khác qua mạng Internet hay không.

Có thể kể đến một số nguyên nhân dẫn đến tình trạng phổ biến không an toàn đối với các giao dịch qua mạng:

- o Thông tin bị truy cập trái phép trên đường truyền Internet
- o Bất cẩn của các nhân viên ngân hàng khi thực hiện các yêu cầu bảo mật.
- o Bất cẩn từ chính khách hàng để lộ thông tin trong các giao dịch ngân hàng
- o Hệ thống máy tính của ngân hàng hoạt động kém hiệu quả hoặc lỗi từ các phần mềm

Hiện nay các dịch vụ ngân hàng qua mạng Internet chủ yếu tiến hành giống như việc chúng ta truy cập và các trang Web thông thường. Việc xác nhận thông tin, bảo mật đều thông qua việc kiểm tra tên truy nhập (user name) và mã số (password). Việc sử dụng phương thức này không những tận dụng được các công nghệ và thiết bị hiện hành, không yêu cầu khách hàng phải sử dụng các thiết bị đặc biệt cho bảo mật mà còn tận dụng được thói quen sử dụng Internet của người dân. Sau khi nhận được tên truy nhập và mã số do ngân hàng cung

cấp, khách hàng có thể tự mình đổi mã số theo ý mình để tự quản lý. Tuy vậy việc làm này không an toàn do có thể bị truy cập bất hợp pháp vào đường truyền Internet, hoặc do bất cẩn của khách hàng khi sử dụng các giao dịch. Ngoài ra, việc lưu chuyển thông tin giữa ngân hàng và khách hàng như đăng kí và cấp tên đăng nhập, mã số lại thường chủ yếu diễn ra thông qua việc gửi thư điện tử (E-mail) mà trong khi đó khả năng bị đọc trộm hoặc xâm nhập vào thư điện tử đang là tình trạng rất hay gặp hiện nay.

Thông thường, khi đăng kí sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử tại một ngân hàng nhất định, khách hàng thường tiến hành khai báo trực tiếp qua mạng. Tuy nhiên việc xác định thông tin và xác thực khách hàng sẽ tương đối khó khăn do còn thiếu hoặc còn yếu các công cụ chứng thực như chữ kí điện tử hoặc các xác minh điện tử. Việc sửa chữa, thay đổi hay cung cấp lại đều được các ngân hàng tiến hành qua mạng và gần như miễn phí nên khách hàng có thể liên tục đổi tên truy nhập và mã số.

Chính vì thế mà nguy cơ bị lộ hoặc nhầm lẫn mật khẩu dẫn đến khả năng ngân hàng phải gửi lại cho khách là khá cao.

Hoạt động ngân hàng điện tử đã tự chứng minh với rất nhiều ưu thế và là một xu thế của tương lai. Tuy nhiên các vấn đề hạn chế liên quan đến hoạt động này cũng khá đa dạng và đòi hỏi các ngân hàng phải có sự nghiên cứu kĩ lưỡng để có thể phát huy được những mặt tích cực mà ngân hàng điện tử mang lại. Tăng cường an ninh và an toàn trong thanh toán điện tử đồng nghĩa với tăng cường uy tín và hiệu quả kinh doanh của ngân hàng và tạo dựng niềm tin cho khách hàng vào loại hình dịch vụ hiện đại này.

1.6. Yêu cầu đối với thanh toán điện tử

1.6.1. Khả năng có thể chấp nhận được:

Để được thành công thì cơ sở hạ tầng của việc thanh toán phải được công nhận rộng hơn, môi trường pháp lý đầy đủ, bảo đảm quyền lợi cho cả khách hàng và doanh nghiệp, công nghệ áp dụng đồng bộ ở các ngân hàng cũng như tại các tổ chức thanh toán.

1.6.2. An toàn và bảo mật cho các giao dịch tài chính qua các mạng mở như Internet

Vì đây sẽ là mục tiêu cho các tội phạm, các kẻ sử dụng thẻ tín dụng trái phép, các hacker... do các dịch vụ trên Internet hiện nay được cung cấp toàn cầu với mọi tiện ích phục vụ cho mọi khách hàng, mọi thành phần trong xã hội. Chính vì vậy phải đảm bảo khả dụng nhưng chống lại được sự tấn công để tìm kiếm thông tin mật, thông tin cá nhân hoặc điều chỉnh thông tin, thông điệp được truyền gửi.

1.6.3. Giấu tên (nặc danh)

Nếu như được khách hàng yêu cầu thì đặc điểm nhận dạng của họ phải được giữ kín dù khách hàng đã cung cấp đầy đủ các thông tin để người bán được thanh toán. Phải đảm bảo không làm lộ các thông tin cá nhân của khách hàng.

1.6.4. Khả năng có thể hoán đổi:

Tiền số có thể chuyển thành các kiểu loại quỹ khác. Có thể dễ dàng chuyển từ tiền điện tử sang tiền mặt hay chuyển tiền từ quỹ tiền điện tử về tài khoản của cá nhân. Từ tiền điện tử có thể phát hành séc điện tử, séc thật. Tiền số bằng ngoại tệ này có thể dễ dàng chuyển sang ngoại tệ khác với tỷ giá tốt nhất.

1.6.5. Tính linh hoạt:

Nên cung cấp nhiều phương thức thanh toán, tiện lợi cho mọi đối tượng.

1.6.6. Tính hợp nhất:

Để hỗ trợ cho sự tồn tại của các ứng dụng này thì giao diện nên được tạo ra theo sự thống nhất của từng ứng dụng. Khi mua hàng trên bất cứ trang web nào cũng cần có những giao diện với những bước giống nhau.

1.6.7. Tính tin cậy:

Hệ thống thanh toán phải luôn thích ứng, tránh những sai sót không đáng có, tránh cho nó không phải là mục tiêu của sự phá hoại.

1.6.8. Tiềm lợi, dễ sử dụng:

Nên tạo sự thuận lợi cho việc thanh toán trên mạng như trong thanh toán truyền thống.

1.7. Rủi ro trong thanh toán điện tử

1.7.1. Những rủi ro liên quan đến quá trình thanh toán

Sao chụp thiết bị: Trong các hệ thống dựa trên thẻ, phương pháp tấn công là làm giả một thiết bị khác được chấp nhận như thiết bị thật, bao gồm cả chìa khóa giải mã, số dư và các dữ liệu khác trên thẻ. Thẻ giả sẽ có chức năng như thẻ thật nhưng chứa số dư giả mạo. Sửa đổi hoặc sao chép dữ liệu hoặc phần mềm: Mục tiêu là thay đổi trái phép dữ liệu lưu trữ trên thiết bị của phương tiện thanh toán điện tử.

Lấy trộm thiết bị: Một phương pháp tấn công đơn giản là lấy trộm thiết bị của người tiêu dùng hoặc người bán và sử dụng trái phép số dư trên đó. Giá trị lưu trên thiết bị cũng có thể bị lấy trộm bằng sự tái tạo phi pháp.

Không ghi lại giao dịch: Một người sử dụng có thể cố tình không ghi lại giao dịch, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, dẫn tới thất thoát cho người bán cũng như nhà phát hành sản phẩm tiền điện tử.

Sự cố hoạt động: các phương tiện thanh toán điện tử có thể bị sự cố ngẫu nhiên hoặc bị mất các dữ liệu lưu trên thiết bị, một chức năng nào đó ngừng hoạt động, như chức năng kế toán hoặc chức năng bảo mật, hoặc lỗi trong quá trình truyền tải, xử lý thông tin.

1.7.2. Rủi ro đối với người tiêu dùng tham gia thanh toán trong thương mại điện tử:

Ngoài những rủi ro mất an toàn như phần trên, người tiêu dùng có thể gặp những loại rủi ro khác như: chi tiết giao dịch được ghi nhận lại không đầy đủ để có thể giúp giải quyết khi có tranh chấp hoặc sai sót; rủi ro nếu nhà phát hành tiền điện tử lâm vào tình trạng phổ sản hoặc mất khả năng chi trả. Họ cũng có thể gặp rủi ro khi không thể hoàn tất một khoản thanh toán mặc dù có đủ tiền để thực hiện việc thanh toán, ví dụ khi thẻ tín dụng hết hạn hiệu lực, gặp trục trặc khi vận hành thiết bị ngoại vi hoặc thẻ...

Người sử dụng cũng có thể gặp phải vấn đề khi những thông tin cá nhân liên quan đến các giao dịch thanh toán bị công khai mà không có sự chấp thuận, đặc biệt khi các thông tin này bị sử dụng cho các mục đích xấu.

1.7.3. Rủi ro đối với các tổ chức cung ứng phương tiện thanh toán điện tử:

Nhà phát hành cũng có thể phải chịu các rủi ro lừa đảo, vận hành sai, bồi thường tiền điện tử giả mạo khi nó được người bán hoặc khách hàng chấp nhận.

- Rủi ro do các hoạt động gian lận và phi pháp

Lợi dụng sự chưa hoàn hảo trong các hệ thống bảo mật, các dữ liệu về thẻ thanh toán có thể bị đánh cắp và sử dụng bất hợp pháp.

- Thẻ mất cắp, thất lạc

Chủ thẻ bị mất cắp, thất lạc thẻ và bị người khác sử dụng trước khi chủ thẻ kịp thông báo cho NHPH để có các biện pháp hạn chế sử dụng hoặc thu hồi thẻ. Thẻ này có thể bị các tổ chức tội phạm lợi dụng để in nổi và mã hoá lại thẻ để thực hiện các giao dịch giả mạo. Rủi ro này có thể dẫn đến tổn thất cho cả chủ thẻ và NHPH, thường chiếm tỷ lệ lớn nhất.

- Thẻ giả

Thẻ do các tổ chức tội phạm làm giả căn cứ vào các thông tin có được từ các giao dịch thẻ hoặc thông tin của thẻ bị mất cắp. Thẻ giả được sử dụng tạo ra

các giao dịch giả mạo, gây tổn thất cho các Ngân hàng mà chủ yếu là Ngân hàng phát hành vì theo quy định của Tổ chức thẻ quốc tế, Ngân hàng phát hành chịu hoàn toàn trách nhiệm với mọi giao dịch thẻ giả mạo có mã số của Ngân hàng phát hành. Đây là loại rủi ro nguy hiểm và khó quản lý vì có liên quan đến nhiều nguồn thông tin và nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ngân hàng phát hành.

TaiLieu.vn

CHƯƠNG 2:

CÁC HÌNH THỨC THANH TOÁN TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

2.1. THANH TOÁN BẰNG THẺ TÍN DỤNG (CREDIT CARD)

2.1.1. Khái niệm:



Thẻ tín dụng là loại thẻ cho phép chủ thẻ dùng trước, trả sau. Với thẻ tín dụng, chủ thẻ được thoải mái chi tiêu hoặc rút tiền... trong một hạn mức tín dụng được ngân hàng cấp và chỉ phải thanh toán cho ngân hàng khi nhận được sao kê vào cuối kỳ. Hạn mức tín dụng là số tiền tối đa chủ thẻ được chi tiêu trong một khoảng thời gian nào đó (1 tháng, 45 ngày hay hơn). Khách hàng có thể rút số tiền được ngân hàng cấp đó trong thời hạn nhất định và buộc phải thanh toán khi đáo hạn. Nếu quá hạn mức tín dụng chưa thanh toán kịp ngân hàng sẽ tính lãi suất cao. Nói cách khác là bạn mượn tiền của ngân hàng để chi dùng trước, và hoàn trả ngân hàng sau, trong trường hợp bạn chậm hoàn trả theo thời hạn qui định thì ngân hàng sẽ tính lãi.

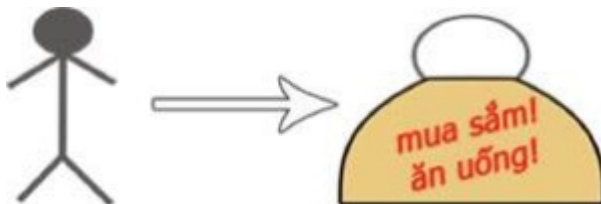
Do



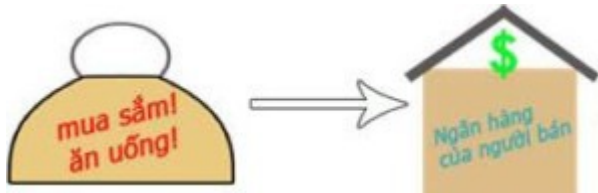
tính chất đó, thẻ tín dụng ở Việt Nam hiện nay không phải là loại thẻ dành cho số đông người dùng. Khi mở thẻ này, chủ thẻ cần phải tín chấp, thế chấp, hoặc ký quỹ với ngân hàng.

2.1.2. Quá trình thanh toán bằng thẻ tín dụng

Bạn trình thẻ của mình cho người thu tiền, họ sẽ quét nó thông qua một máy đọc/thiết bị thẻ tín dụng.



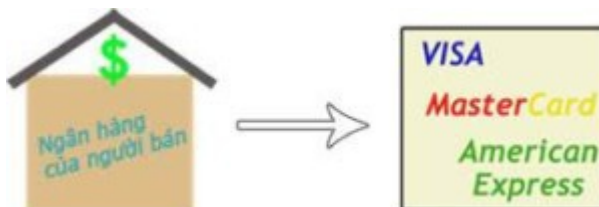
Máy đọc/thiết bị thẻ tín dụng sẽ đọc phần sọc từ ở mặt sau của thẻ và gửi thông tin khóa (ví dụ số thẻ tín dụng của bạn, giới hạn tín dụng, ngày hết hạn, v.v..) đến ngân hàng của cửa hàng (ví dụ ngân hàng của người bán).



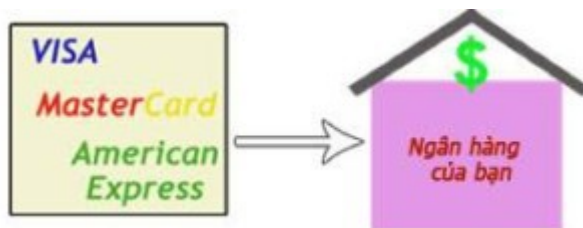
Bên ngân hàng của người bán nhận thông tin và kiểm tra giao dịch này hợp lệ.



Sau đó ngân hàng của người bán gửi thông tin đơn hàng đến công ty tín dụng liên quan (ví dụ Visa, MasterCard hay American Express).



Kế tiếp, công ty thẻ tín dụng liên lạc ngân hàng của bạn và xác nhận rằng thẻ tín dụng của bạn hợp lệ.



Tùy theo sự xác nhận từ phía ngân hàng, công ty thẻ tín dụng sau đó sẽ chuyển thông điệp đến ngân hàng của người bán, họ sẽ phê duyệt giao dịch của bạn.



Hình thức thanh toán bằng thẻ tín dụng trên Internet cũng diễn ra theo quy trình tương tự. Trong thực tế, việc xử lý thẻ tín dụng trực tuyến có thể được tiến hành theo một trong hai cách sau:

Thứ 1: Gửi số thẻ tín dụng và các thông tin liên quan trên Internet dưới dạng “thô” (không mã hóa)

- ⇒ Toàn bộ các thông tin liên lạc đến giao dịch đều được truyền phát trên Internet dưới dạng ngôn ngữ liên kết siêu văn bản (HTML), không mã hóa
- ⇒ Độ an toàn và tính bảo mật thấp.

Thứ 2: Mã hóa toàn bộ các thông tin chi tiết và thẻ tín dụng trước lúc gửi chúng đi khi thực hiện bất cứ giao dịch nào trên mạng

- ⇒ Để đề phòng sự gian lận có thể xảy ra từ phía người bán các thông tin liên quan đến thanh toán và thẻ tín dụng sẽ được gửi tới một bên tin cậy thứ 3 để ủy quyền. Bên tin cậy thứ ba sẽ giải mã các thông tin được ủy quyền để đảm bảo tính xác thực của giao dịch.

2.2. CHUYỂN KHOẢN ĐIỆN TỬ VÀ THẺ GHI NỢ (THẺ TRẢ PHÍ TRƯỚC)

2.2.1. Chuyển khoản điện tử EFT trên Internet

Hệ thống EFT được thiết kế để chuyển khoản tiền cụ thể từ tài khoản này sang tài khoản khác. Người sử dụng có thể sử dụng 3 hình thức: máy giao dịch tự động ATM, máy tính cá nhân và điện thoại.

2.2.1.1. Máy giao dịch tự động ATM:

Thẻ ATM là một loại thẻ theo chuẩn ISO 7810, bao gồm thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng, dùng để thực hiện các giao dịch tự động như kiểm tra tài khoản, rút tiền hoặc chuyển khoản, thanh toán hóa đơn, mua thẻ điện thoại v.v. từ máy rút tiền tự động (ATM). Loại thẻ này cũng được chấp nhận như một phương thức thanh toán không dùng tiền mặt tại các điểm thanh toán có chấp nhận thẻ.

2.2.1.2. **Máy tính cá nhân: sử dụng dịch vụ Internet Banking**

Internet Banking là dịch vụ Ngân hàng điện tử dùng để truy vấn thông tin tài khoản và thực hiện các giao dịch chuyển khoản, thanh toán qua mạng Internet. Internet Banking cho phép khách hàng thực hiện giao dịch trực tuyến mà không cần đến Ngân hàng. Chỉ cần một chiếc máy vi tính hoặc điện thoại di động có kết nối Internet và mã truy cập do Ngân hàng cung cấp, khách hàng đã có thể thực hiện các giao dịch với Ngân hàng mọi lúc mọi nơi một cách an toàn.

Tính năng: Quản lý tài khoản (tài khoản thanh toán, tài khoản tiết kiệm,...), Quản lý tài chính (chuyển khoản theo lô, nạp tiền, thanh toán hóa đơn, chuyển khoản liên ngân hàng...)

Lợi ích: sử dụng dịch vụ mọi nơi 24/7, không mất thời gian đến phòng giao dịch, mọi giao dịch được thực hiện tức thì và hệ thống bảo mật luôn được kiểm tra, nâng cấp.

2.2.1.3. **Điện thoại: Mobile Banking , SMS Banking, Sim Toolkit**

➤ **Mobile Banking:**

- Là dịch vụ ngân hàng hiện đại, cho phép khách hàng sử dụng điện thoại di động để thực hiện các giao dịch với ngân hàng. Sử dụng Mobile Banking, Quý khách không cần phải đến Ngân hàng mà vẫn có thể tiếp cận mọi dịch vụ bất cứ khi nào và ở đâu.

- Khi thực hiện các giao dịch trên Mobile Banking, khách hàng cần kết nối với Internet thông qua 3G, Wi-Fi hoặc GPRS.

- Dịch vụ Mobile Banking gồm 3 sản phẩm:

- ❖ **Mobile App:** Dịch vụ ngân hàng qua ứng dụng cài trên điện thoại di động chạy hệ điều hành iOS (Iphone) và Android, cho phép khách hàng Quản lý tài khoản, Chuyển khoản, Thanh toán hóa đơn, Kích hoạt thẻ, Nạp tiền...
- ❖ **Mobile Web:** Dịch vụ ngân hàng qua trình duyệt Internet trên điện thoại di động. Không yêu cầu dòng máy hay hệ điều hành chỉ cần điện thoại có hỗ trợ kết nối Internet là Quý khách hàng đã có trong tay Ngân hàng điện tử thu nhỏ qua Mobile Web. Mobile Web cho phép người dùng sử dụng đầy đủ các tính năng như Internet Banking nhưng thao tác lại đơn giản – dễ dàng; giao diện thân thiện – chuyên nghiệp và hoàn toàn miễn phí. Trên thị trường hiện nay có 1 số ngân hàng đã cung cấp dịch vụ Mobile Banking như: Sacombank, Maritimebank, TienphongBank...
- ❖ **Sim Toolkit:** là ứng dụng dịch vụ ngân hàng di động được tích hợp trên SIM điện thoại di động. Bộ công cụ ứng dụng SIM bao gồm một tập các lệnh được lập trình trong thẻ SIM trong đó xác định như thế nào SIM nên tương tác trực tiếp với thế giới bên ngoài và bắt đầu các lệnh độc lập với các thiết bị cầm tay và mạng. Điều này cho phép SIM để xây dựng một cuộc trao đổi tương tác giữa một ứng dụng mạng và người dùng cuối và truy cập, hoặc kiểm soát truy cập, mạng. Các SIM cũng cung cấp cho các lệnh để thiết bị cầm tay như hiển thị các menu và / hoặc yêu cầu người dùng nhập vào.

Bảng so sánh các công nghệ trong Mobile Banking

Công nghệ	Ưu điểm	Nhược điểm
Sim Toolkit (Ứng dụng dịch vụ)	<ul style="list-style-type: none"> • Khách hàng không cần cài đặt, chỉ cần lắp SIM và kích hoạt dịch vụ. • Độ bảo mật tương đối 	<ul style="list-style-type: none"> • Khách hàng phải đổi SIM nếu muốn sử dụng dịch vụ và mỗi lần muốn cập nhật dịch vụ • Ngân hàng phụ thuộc hoàn toàn vào việc hợp tác triển khai với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông

vụ ngân hàng di động được tích hợp trên SIM điện thoại di động)	cao • Tương thích với mọi dòng điện thoại (điện thoại thường và smartphone)	di động (Telco) về mọi mặt. • Ngân hàng không có thương hiệu riêng trong dịch vụ này khi hợp tác với Telco • Về việc phát triển/cập nhật chương trình, ngân hàng phải phụ thuộc hoàn toàn vào Telco và đối tác phát triển SimToolKit
Mobile Application (Ứng dụng dịch vụ ngân hàng di động được cài đặt trên điện thoại di động)	• Người dùng dễ cài đặt và sử dụng • Độ bảo mật cao • Tính năng dịch vụ đa dạng • Chương trình được phát triển, cập nhật tự động, dễ dàng. Giao diện sử dụng đẹp, thân thiện với người dùng • Dễ dàng triển khai quảng bá các chương trình marketing của ngân hàng trên ứng dụng di động • Nhận diện thương hiệu cao, biểu tượng logo (icon) luôn hiển thị trên điện thoại di động của khách hàng.	• Nếu tự triển khai, ngân hàng phải đầu tư chi phí lớn và mất nhiều thời gian triển khai • Không tương thích với các dòng điện thoại không hỗ trợ Java, wifi hoặc 3G